

Bản án số: 623/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 05 -2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hời.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh.
2. Bà Lê Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1754/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quan Ngọc M. Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 407 Lô D Chung cư C, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 480/34 Đường A, Phường 11, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Công T. Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Phòng C308, Chung cư A, số 1123, Quốc Lộ M, khu phố 5, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

[1]. Nguyên đơn bà Quan Ngọc M trình bày:

Bà và ông Lê Công T kết hôn với nhau vào năm 2004, có giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận X, Thành phố

Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, cách sinh hoạt, nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, tình cảm không thể hàn gắn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Ngọc Gia Kh, sinh ngày 28/6/2004 và Lê Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 15/12/2015, hiện hai con chung đang sống với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Công T. Về con chung: bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung Lê Ngọc Gia Kh và Lê Ngọc Mỹ Nh, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2]. Bị đơn ông Lê Công T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Quan Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Công T vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Quan Ngọc M được ly hôn với ông Lê Công T; giao cho bà Quan Ngọc M được quyền trực tiếp nuôi con chung Lê Ngọc Gia Kh và Lê Ngọc Mỹ Nh, phần cấp dưỡng nuôi con ghi nhận việc bà Quan Ngọc M không yêu cầu ông Lê Công T cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Quan Ngọc M làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Công T. Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Lê Công T có địa chỉ tạm trú tại phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Quan Ngọc M kết hôn vào năm 2004, có giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2004. Mâu thuẫn xảy ra vào năm 2017, do bất đồng về lối sống, cách sinh hoạt nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến giữa năm 2018 thì hai vợ chồng

sống ly thân cho đến nay. Bà Quan Ngọc M yêu cầu được ly hôn với ông Lê Công T, còn ông Lê Công T vắng mặt không lý do. Ngày 27/04/2021 bà Quan Ngọc M làm đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn, nhưng bị đơn ông Lê Công T vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy ông Lê Công T cố tình vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy chứng tỏ rằng ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó thực tế thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể hàn gắn. Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Có hai con chung tên: Lê Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 15/12/2015 và Lê Ngọc Gia Kh, sinh ngày 28/06/2004. Bà Quan Ngọc M yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung Nh và Kh, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Nh và Kh đang sống chung với bà M, do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Kh muốn được ở với bà M. Do đó xét yêu cầu của bà M, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung Nh và Kh là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Quan Ngọc M xác nhận không có.

[3] Về án phí: Bà Quan Ngọc M chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quan Ngọc M.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Quan Ngọc M được ly hôn với ông Lê Công T. Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 1/2004 do Ủy ban nhân dân Phường G,

Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2004 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Có hai con chung tên: Lê Ngọc Gia Kh, sinh ngày 28/06/2004 và Lê Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 15/12/2015. Giao cho bà Quan Ngọc M được quyền trực tiếp nuôi hai con chung Lê Ngọc Gia Kh và Lê Ngọc Mỹ Nh. Phần cấp dưỡng nuôi con ghi nhận việc bà Quan Ngọc M không yêu cầu ông Lê Công T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Công T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần bà Quan Ngọc M, ông Lê Công T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Quan Ngọc M xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Quan Ngọc M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0064363 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Quan Ngọc M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoi